TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **63**/2026/HC-PT
Ngày: 13/3/2026
V/v: "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các thẩm phán: ông **Trần Quốc Cường**

bà **Võ Thị Ngọc Dung**

- Thư ký phiên tòa*:* bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Phạm Thị Nguyệt Minh**, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở, Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 171/2025/TLPT-HC ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 158/2025/HC-ST ngày 05/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 486/2026/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Long Văn Q, sinh năm 1976; địa chỉ: thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk); vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: ông Phạm Hữu H, sinh năm 1997; địa chỉ: 5 Q, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: ông Bùi Duy H1, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Nông Thị H2, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk); vắng mặt.

3.2 Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L; địa chỉ: B N, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk); vắng mặt.

3.3 UBND xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng: Chủ tịch UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk. Người đại diện theo uỷ quyền: ông Bùi Duy H1, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

* *Người kháng cáo*: người khởi kiện ông Long Văn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện, ông Phạm Hữu H ***trình bày:***

Vào tháng 5/2024, ông Q nhận được Quyết định cưỡng chế thu hồi đất đất để thì công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 14/6/2024, ông Q đến Trung tâm phát triển quỹ đất để đối thoại các nội dung liên quan đến việc thu hồi đất để thi công công trình nêu trên, cụ thể là việc kiểm đếm đất và tài sản gắn liền với đất không có sự tham gia của ông Q nhưng UBND huyện E không ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc mà tự kiểm đếm và nhận hồ sơ (Phương án, Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất).

Từ ngày 19/6/2024 đến ngày 03/7/2024, UBND huyện E tiến hành kiểm đếm theo quy định pháp luật. Ngày 22/8/2024, UBND xã C ban hành quyết định xác nhận nguồn gốc đất cho ông Q.

Theo các quyết định của UBND huyện E ban hành thì gia đình ông Long Văn Q, bị thu hồi các thửa đất số 2, 8,12, 14, 24, 28, 35, 42, 60 tờ bản đồ số 10 thuộc Thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk để thi công công trình tái định canh số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án K tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Theo các Quyết định thu hồi đất, ông Q cho rằng:

Thứ nhất, ông Q đề nghị Tòa án xem xét hủy Quyết định thu hồi đất để thi công công trình tái định canh số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án K tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với các thửa đất của ông Q. Vì diện tích đất trên của ông Q đã được khai phá, được canh tác ổn định và là nguồn thu thập chính của gia đình, nên việc thu hồi đất của ông Q để giao cho người nơi khác đến canh tác là không hợp lý. Việc thu hồi này khiến gia đình ông Q lâm vào tình trạng vô cùng khó khăn trong việc ổn định cuộc sống và canh tác.

Thứ hai, nếu thu hồi đất đối với các thửa đất số 2, 8, 12,14, 24, 28, 35, 42, 60 tờ bản đồ số 10 thì phải bồi thường cho gia đình ông Q theo quy định pháp luật, vì những căn cứ sau:

Hộ gia đình ông Q từ H, Cao Bằng chuyển vào địa phương xã C vào năm 1995 (việc này đã được cơ quan Công an xác nhận) để khai phá đất và canh tác vào mục đích sản xuất nông nghiệp từ đó đến nay, ông Q là hộ nghèo từ 2011 đến nay. Con ông Q là Long Thị H3, sinh năm 1999 có khai sinh tại thôn F, xã C, ông Q là hộ dân trực tiếp sản xuất nông nghiệp và dựa vào sản xuất nông nghiệp để sống, không có ngành nghề gì khác.

Các thửa đất nêu trên được gia đình ông Q khai phá vào năm 1995 và canh tác ổn định từ đó cho đến nay, việc khai phá và sử dụng ổn định có các minh chứng sau: Có 196 cây điều trồng năm 2000, chòi rẫy tạo lập năm 1997 và trồng nhiều cây khác. Việc thời điểm tạo lập cây trồng và canh tác ổn định đã được cơ quan chức năng và cơ quan chuyên môn là Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện E xác định như sau: Có những cây trồng gia đình ông Q canh tác rất tốt nên được cơ quan chuyên môn xác định chất lượng là loại A, cụ thể là 121 cây điều trồng năm 2000 loại A... (theo biên bản kiểm đếm ngày 26/6/2024).

Việc khai phá đất và sử dụng ổn định lâu dài của gia đình ông Q còn được trưởng thôn, phó thôn, bí thư chi bộ các thời kì làm chứng. Ông Q sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai, không bị cơ quan chức năng xử phạt hành chính liên quan đến việc sử dụng đất đai.

Vì vậy, có đủ cơ sở để xác định các thửa đất nêu trên của gia đình ông Q là khai hoang vào năm 1995 và sử dụng ổn định đến nay. Nên khi nhà nước thu hồi đất thì phải bồi thường về đất, bồi thường về tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, chuyển đổi nghề cho hộ gia đình ông Q theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, kể cả có việc hộ gia đình ông Q lấn chiếm đất thì:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 01/7/2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang được sử dụng. Tại khoản 1 Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013 đã quy định một trong những điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng là: Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận theo quy định của Luật này mà chưa được cấp.

Tại điểm c khoản 2 và khoản 5 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai đã quy định: Trường hợp sử dụng đất lấn, chiếm đã được Nhà nước giao đất không

thu tiền sử dụng đất cho các nông trường, lâm trường quốc doanh, Ban quản lý rừng, trung tâm, trạm, trại, công ty N, lâm nghiệp và nay đang sử dụng đất ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở, không có tranh chấp và không thuộc quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, xây dựng công trình hạ tầng công cộng thì người đang sử dụng đất được xem xét cấp Giấy chứng nhận. Trường hợp thửa đất có nhà ở thì diện tích đất ở được công nhận theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; phần diện tích đất đang sử dụng được xác định là đất nông nghiệp thì được công nhận quyền sử dụng đất theo chế độ như quy định đối với trường hợp tại khoản 5 Điều 20 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

Do vậy, đối với trường hợp các hộ dân lấn, chiếm sử dụng đất trước ngày 01/7/2004 để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở mà đất này đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các nông trường, lâm trường quốc doanh trước đây, nay Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 61, Điều 62 của Luật Đất đai thì người sử dụng đất được bồi thường về đất.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định "Trường hợp lấn, chiếm đất và nay đang sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở và không thuộc quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, xây dựng công trình hạ tầng công cộng thì người đang sử dụng đất được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và nữ sản khác gắn liền với đất" nên khi nhà nước thu hồi thì người sử dụng đất phải hộ thường theo khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai.

Và có một số tài sản trên đất được gia đình ông Q tạo lập sau năm 2013. Đề nghị cơ quan chức năng bồi thường các tài sản này cho ông Q. Vì ông Q không nhận được thông báo thu hồi đất số 140/TB-UBND ngày 28/10/2013 của UBND huyện E nên không biết diện tích đất ông Q bị thu hồi. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai thì sau 3 năm kể từ khi có kế hoạch sử dụng đất hằng năm của cấp huyện đã được công bố mà chưa có quyết định thu hồi đất thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải điều chỉnh, hủy bỏ và phải công bố kế việc điều chỉnh, hủy bỏ việc thu hồi đất. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kế hoạc sử dụng đất không điều chỉnh, hủy bỏ hoặc có điều chỉnh, hủy bỏ nhưng không công bố việc điều chỉnh, hủy bỏ thì người dân không bị hạn chế quyền tạo lập tài sản. Nên các tài sản được tạo lập sau năm 2013 của ông Q cũng phải được bồi thường.

Ngày 14/6/2024, ông Long Văn Q nhận được Quyết định số 279/QĐ-UBND do UBND huyện E ban hành ngày 23/12/2022 về việc thu hồi đất; Quyết định số 278/QĐ-UBND do UBND huyện E ban hành ngày 23/12/2022 và Quyết định số 461/QĐ-UBND do UBND huyện E ban hành ngày 04/12/2023 về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Tuy nhiên, ông Q không được bồi thường về đất, không bồi thường về tài sản gắn liền với đất, không hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và

tìm kiếm việc làm mà cho rằng hộ ông Q lấn chiếm đất vào năm 2009 nên chỉ được hỗ trợ 50% về đất, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất với tổng giá trị là 462.496.540 đồng.

Việc không bồi thường về đất, không bồi thường về tài sản gắn liền với đất, không hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là không đúng quy định pháp luật, gây thiệt hại lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Q.

Để đảm bảo quyền và lợi ích của mình, ông Q khởi kiện các nội dung sau:

- Hủy bỏ một phần Quyết định số 279/QĐ-UBND do UBND huyện E ban hành ngày 23/12/2022 về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Long Văn Q.

- Hủy bỏ một phần Quyết định số 278/QĐ-UBND do UBND huyện E ban hành ngày 23/12/2022 và hủy bỏ một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND do UBND huyện E ban hành ngày 4/12/2023 về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Long Văn Q.

- Buộc UBND huyện E phải ban hành quyết định bồi thường về đất, bồi thường về tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đúng theo quy định pháp luật đối với hộ ông Long Văn Q.

2. Tại bản tự khai, người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện ông Lê Đình C – ***Chức vụ: Phó chủ tịch*** UBND huyện E ***trình bày:***

Về trình tự, thủ tục thực hiện thu hồi đất: UBND huyện E thực hiện đúng, đủ quy trình về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định pháp luật.

Về việc bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất và hỗ trợ các chế độ ổn định đời sống và chuyển đổi nghề nghiệp đối với hộ ông Long Văn Q*:*

Căn cứ theo xác nhận số 20/GXN-UBND ngày 16/11/2022 của UBND xã C xác nhận đối với hộ ông Long Văn Q thì toàn bộ diện tích đất thuộc phạm vi thu hồi của tất cả các hộ gia đình có nguồn gốc lấn, chiếm đất do UBND tỉnh Đ giao cho Công ty TNHH MTV L quản lý theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Công ty L thuê 137.935.686 m² đất và cấp GCNQSDĐ cho Công ty để sử dụng vào mục đích nông nghiệp. Theo đó, thời điểm sử dụng đất ổn định từ năm 2009.

- Căn cứ để bồi thường về đất, căn cứ Điều 82 của Luật Đất đai năm 2013:

"Điều 82. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất:

Nhà nước thu hồi đất không bồi thường về đất trong các trường hợp sau đây:

1. Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật này;

2. Đất được Nhà nước giao để quản lý;

3. Đất thu hồi trong các trường hợp quy định tại Điều 64 và các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 của Luật này";

Tại Điều 64 của Luật Đất đai năm 2013 quy định:

"Điều 64. Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai

1. Các trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai bao gồm:

...

đ) Đất được Nhà nước giao để quản lý mà để bị lấn, chiếm;

Đất của hộ ông Long Văn Q đang sử dụng thuộc điểm đ khoản 1 Điều 64 của Luật Đất đai năm 2013 nên không được bồi thường về đất.

- Căn cứ về bồi thường tài sản gắn liền với đất, căn cứ Điều 92 của Luật Đất đai năm 2013:

"Điều 92. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất:

1. Tài sản gắn liền với đất thuộc một trong các trường hợp thu hồi đất quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, i khoản 1 Điều 64 và điểm b, d khoản 1 Điều 65 của Luật này.

2. Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và công trình xây không còn sử dụng".

Tài sản gắn liền với đất của hộ ông Long Văn Q thuộc khoản 1 Điều 92 của Luật Đất đai năm 2013 nên không được bồi thường.

- Căn cứ về hỗ trợ ổn định đời sống, căn cứ khoản 2 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP chính phủ:

"2. Điều kiện để được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất thực hiện theo quy định sau đây:

a) Đối với hộ gia đình, cá nhân, tổ chức kinh tế, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang sử dụng đất thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại các Điều 100, 101 và 102 của Luật Đất đai, trừ trường hợp quy định tại điểm b Khoản này:

b) Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông trường, lâm trường quy định tại điểm d khoản 1 Điều này thì phải có hợp đồng giao khoán sử dụng đất."

Diện tích đất thu hồi của hộ ông Long Văn Q có nguồn gốc lấn chiếm đất của Công ty TNHH MTV L, không thuộc trường hợp được hỗ trợ chế độ này.

- Căn cứ về hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm, căn cứ khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP:

"Điều 20. Hỗ trợ đào tạo, chuyên đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực sản xuất nông nghiệp

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c và d Khoản 1 Điều 19 của Nghị định này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân, là cán bộ, công nhân viên của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định sau đây:

a) Hỗ trợ bằng tiền không quá 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương;

b) Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định căn cứ điều kiện thực tế của địa phương.".

Diện tích đất thu hồi của hộ ông Long Văn Q không đủ điều kiện được bồi thường về đất nên không thuộc trường hợp được hỗ trợ chế độ này.

Từ các nhận định và căn cứ nêu trên việc ông Long Văn Q buộc UBND huyện E ban hành Quyết định bồi thường về đất, bồi thường về tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là không có căn cứ.

3. Tại Văn bản số: 183/UBND-Kt ngày 28/7/2025, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện là UBND xã E***, tỉnh Đắk Lắk trình bày:***

Nguồn gốc sử dụng đất của khu vực Khu cánh đồng màu thuộc dự ăn Hồ chứa nước Krông Pách thượng thuộc thôn D, thôn F, xã C:

Khu đất dự kiến thu hồi đã được UBND huyện E ban hành Thông báo chủ trương thu hồi đất số 140/TB-UBND, ngày 28/10/2013 về việc thu hồi đất của Công ty TNHH L hạng mục điểm tái định cư số 1 -Khu trồng màu tại thôn D, thôn F xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk với tổng diện tích thu hồi để thực hiện dự án tại xã C là 2.741.492 m².

Nguồn gốc sử dụng của khu đất thực hiện công trình Khu trồng màu thuộc Công ty TNHH MTV L quản lý theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Lâm trường L thuê 137.935.686 m² đất và cấp GCNQSD đất cho Công ty để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp *(Tiền thân của* Lâm trường L *là* Xí nghiệp L1 *được thành lập theo Quyết định số 749/QĐ-UB ngày 28/6/1986 của* UBND tỉnh Đ*).*

Ý kiến của UBND xã E đối với việc nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản trên đất đối với hộ ông Long Văn Q:

Qua kiểm tra hồ sơ địa chính lưu tại UBND xã thì các thửa đất thu hồi của hộ gia đình ông Long Văn Q (các thửa đất số 2,8,12,14,24,28,35,42,60 mảnh trích đo số 10-2022) đều thuộc thửa đất số 95 tờ bản đồ số DC02 (theo Trích lục bản đồ địa chính số 112/TLVPĐKQSDĐ Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 09/4/2008) do Công ty TNHH L quản lý theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Lâm trường L thuê 137.935.686 m² đất và cấp GCNQSDĐ cho Công ty để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp *(Diện tích trên địa bàn* xã C nay là xã E *là 37.206.758 m² và cấp Giấy chứng nhận quyền sửdụng đất số AM 204409, thời hạn sử dụng đất từ 15/10/1993 đến 15/10/2043).*

Khu đất dự kiến thu hồi đã được UBND huyện E ban hành Thông báo chủ trương thu hồi đất số 140/TB-UBND, ngày 28/10/2013 về việc thu hồi đất của Công ty TNHH MTV L hạng mục điểm tái định cư số 1 Khu trồng màu tại thôn D, thôn F xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nay là thôn D, thôn F xã E, tỉnh Đắk Lắk với tổng diện tích thu hồi để thực hiện dự án tại xã C (nay là xã E) là 2.741.492 m². Thông báo thu hồi đất nêu chủ sử dụng đất hợp pháp là Công ty TNHH MTV L.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Đất đai năm 2013 về người chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với việc sử dụng đất; Quy định tại khoản 1 Điều 7 Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 và nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh tại mục 3, Công văn số 8668/UBND-NNMT ngày 24/9/2020 của UBND tỉnh Đ để xác nhận về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản trên đất để xác nhận về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất; Mục 1, Công văn số 8370/UBND-NNMT ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh thì Công ty TNHH MTV L đã được UBND tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp. Do đó, thời điểm hộ gia đình ông Q lấn, chiếm đất để sử dụng phải căn cứ trên cơ sở xác nhận thời điểm lấn, chiếm của Công ty TNHH MTV L.

Căn cứ Công văn số 63/CV-Cty ngày 07/11/2022 của Công ty TNHH MTV L cung cấp UBND xã đã xác nhận hộ gia đình Ông Long Văn Q lấn, chiếm đất Công ty TNHH MTV L năm 2009 (có kèm theo các hồ sơ căn cứ để xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất thời điểm tạo lập tài sản trên đất).

Trên đây là nội dung công văn của UBND xã E về cung cấp tài liệu và căn cứ xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất đối với hộ ông Long Văn Q đề nghị Tòa án Nhân dân tỉnh Đắk Lắk thực hiện theo quy định.

4. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị H2***, trình bày****:* Bà Nông Thị H2 (vợ ông Q) có quan điểm đồng ý nội dung khởi kiện và lời trình bày của ông Long Văn Q.

5. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Công ty TNHH MTV L***, tỉnh Đắk Lắk:*** không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu chứng cứ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 158/2025/HC-ST ngày 05/9/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 3 Điều 59; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194; khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 5 và khoản 1 Điều 23 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Áp dụng Điều 66, Điều 69, Điều 74, Điều 75; Điều 77, Điều 82, Điều 90 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 19, 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 5, khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Điều 19, Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Áp dụng khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Long Văn Q, cụ thể:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy một phần Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pắc T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Long Văn Q;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T đối với hộ ông Long Văn Q;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện E (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ là Chủ tịch UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk) phải phê duyệt lại phương án hỗ trợ về đất, tài sản trên đất cho hộ ông Long Văn Q đối với các thửa đất số: **28**, **35** và **60** đều thuộc tờ bản đồ số 10 theo quy định của pháp luật.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ là Chủ tịch UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk) phải bổ sung phương án hỗ trợ đối với đất và tài sản trên đất đối với các tài sản do hộ ông Long Văn Q tạo lập trên đất sau khi có Thông báo số 140/TB-UBND, ngày 28/10/2013 của UBND huyện E và trước ngày kiểm đếm, ngày 19/8/2022 theo quy định của pháp luật.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Long Văn Q, cụ thể:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Q về việc hủy một phần Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc thu hồi

đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Long Văn Q;

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Q về việc hủy một phần Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pắc T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk và yêu cầu hủy một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T đối với hộ ông Long Văn Q tại các thửa đất số 2,8,12,14, 24, 42, tờ bản đồ số 10.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Q về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện E phải bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ ông Long Văn Q.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/9/2025, ông Long Văn Q kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, buộc người bị kiện bồi thường, hỗ trợ về đất, bồi thường, hỗ trợ về tài sản, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo đúng thời điểm sử dụng đất và theo bảng giá hiện hành.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông Long Văn Q là ông Phạm Hữu H giữ nguyên nội dung kháng cáo;

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính;

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện ông Long Văn Q, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: ngày 30/9/2025, người khởi kiện ông Long Văn Q kháng cáo bản án sơ thẩm, Đơn kháng cáo của người khởi kiện trong thời hạn quy định tại Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Ông Long Văn Q khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy một phần Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện E về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách thượng tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Quyết định số 279); hủy một phần Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (Quyết định số 278) và hủy một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất (Quyết định số 461) đối với hộ ông Long Văn Q, buộc Ủy ban nhân dân huyện E bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ ông Long Văn Q. Tại Đơn khởi kiện ngày 10/12/2024 và Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 22/12/2024, ông Q cho rằng ông nhận được các quyết định trên vào ngày 14/6/2024; phía người bị kiện không cung cấp tài liệu chứng cứ thể hiện việc tống đạt các quyết định này cho hộ ông Q. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng đối tượng, đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại các Điều 30, 32, 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[2]. Về nội dung: xét kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử xem xét các nội dung sau:

[2.1]. Về nguồn gốc diện tích đất bị thu hồi và yêu cầu bồi thường về đất, tài sản trên diện tích đất bị thu hồi:

Ngày 23/12/2022, UBND huyện E đã ban hành Quyết định số 279 về việc thu hồi đất để thi công công trình khu tái định cư số 1 (Khu trồng màu) thuộc Dự án: Hồ chứa nước Krông Pách thượng tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Hộ ông Long Văn Q là một trong các hộ dân có diện tích đất đang sử dụng nằm trong Dự án nên bị thu hồi. Theo đó, hộ ông Q bị thu hồi 09 thửa đất, gồm các thửa đất số 02, 08, 12, 14, 24, 28, 35, 42, 60 với tổng diện tích 38.851,8m^2 đều thuộc mảnh trích đo TĐ10, thôn F, xã C với loại đất CLN, NHK, NTS.

Tại Công văn số 63/CTy ngày 07/11/2022 kèm Phụ lục danh sách xác nhận thời điểm lấn chiếm (BL 134, 135), công ty TNHH MTV L (Công ty) cung cấp thông tin phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng công trình khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án Hồ chứa nước Krông Pách thượng tại xã C, huyện E thì các thửa đất bị các hộ gia đình sử dụng lấn chiếm từ năm 2009 và không có hợp đồng liên kết với Công ty; toàn bộ diện tích đất dự kiến thu hồi đã được UBND tỉnh Đ giao cho Công ty thuê theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, trong đó có các thửa đất số 02, 08, 12, 14, 24, 28, 35, 42, 60 của hộ ông Long Văn Q. Theo đó, tại phần *Ghi chú*, Công ty cũng nêu: trường hợp hộ gia đình chứng minh được thời điểm lấn chiếm, canh tác đất trước năm

2009, Công ty sẽ căn cứ hồ sơ và các ban ngành liên quan để xác minh làm rõ thời điểm lấn chiếm, canh tác cho hộ gia đình. Trong khi đó, theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung, ông Q cho rằng các thửa đất này do gia đình ông khai phá từ năm 1995, sử dụng ổn định từ đó đến nay nhưng ông Q không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc gia đình ông khai hoang đất, đồng thời nội dung này không được chính quyền địa phương xác nhận và ông Q cũng chưa được cấp giấy CNQSD đất.

Theo các Kết quả xác nhận về nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng điểm tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk số 20/GXN-UBND ngày 16/11/2022 (BL 24 - 27) và số 50/GXN-UBND ngày 26/8/2024 (BL 129 - 133) xác định các thửa đất hộ ông Q sử dụng liên tục, ổn định vào mục đích nông nghiệp có nguồn gốc lấn chiếm của Công ty L; thời điểm lấn chiếm từ năm 2009, một phần diện tích của các thửa 28 (7.990m^2), 35 (420,8m^2), 60 (1.854m^2) lấn chiếm từ tháng 3/2004; thời điểm tạo lập ao là năm 2017, trụ gạch và chòi trông rẫy là năm 2014.

Tại Biên bản kiểm tra, đánh giá, xác định về thời điểm trồng cây, độ tuổi và chất lượng cây trồng ngày 11/10/2022 (BL 14 - 16) xác định phần lớn các cây trồng trên diện tích đất thu hồi được trồng từ năm 2014 đến năm 2021.

Từ đó, có căn cứ xác định, diện tích đất các thửa hộ ông Long Văn Q đang sử dụng bị thu hồi có nguồn gốc do lấn chiếm của công ty L đã được Nhà nước giao bằng hình thức cho thuê, đã cấp giấy CNQSDĐ nhưng vì sự thiếu quản lý của các cơ quan có thẩm quyền nên hộ ông Q sử dụng diện tích đất lấn chiếm trong thời gian dài mà không bị xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, hộ ông Q không đủ điều kiện để bồi thường về đất và các tài sản trên đất theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 64, khoản 1 Điều 75 và khoản 4 Điều 82 của Luật Đất đai. Kháng cáo yêu cầu bồi thường về đất và tài sản trên diện tích đất bị thu hồi của ông Q là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.2]. Về yêu cầu hỗ trợ về đất, cây trồng, tài sản trên đất:

Như nhận định tại mục [2.1] nêu trên của bản án, nguồn gốc diện tích đất hộ ông Long Văn Q bị thu hồi là do lấn chiếm của công ty L nên không bồi thường về đất. Tuy nhiên, theo các tài liệu xác minh nguồn gốc đất thể hiện hộ ông Q lấn chiếm và sử dụng đất ổn định vào mục đích nông nghiệp từ các năm 2004, 2009 đến nay vẫn tiếp tục sử dụng nên được xem xét hỗ trợ về đất, các tài sản, cây trồng trên đất là phù hợp, thỏa đáng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người dân.

Theo các tài liệu thể hiện thời điểm lấn chiếm đất của hộ ông Q có trong hồ sơ vụ án thì không đồng nhất nhau, việc UBND huyện E xác định toàn bộ diện tích các thửa đất thu hồi bị lấn chiếm từ năm 2009 để bồi thường hỗ trợ về đất 50%, 60% đối với các cây trồng và tài sản tạo lập trước năm 2013, không bồi thường hỗ trợ đối với các cây trồng và tài sản tạo lập trên đất sau năm 2013 là không phù hợp với thực tế sử dụng đất và tài sản đã kiểm đếm. Bởi lẽ: Công văn số 63/CTy ngày 07/11/2022 của công ty L và Kết quả xác nhận số 20/GXN-UBND ngày 16/11/2022 của UBND xã C xác định thời điểm hộ ông Q sử dụng

lấn chiếm đất từ năm 2009; theo Kết quả xác nhận số 50GXN-UBND ngày 26/11/2024 của UBND xã C thì ngoài những thửa đất hộ ông Q lấn chiếm từ năm 2009 còn xác định diện tích 7.990m^2 tại thửa số 28, 420,8m^2 tại thửa số 35 và 1.854,4m^2 tại thửa số 60 hộ ông Q lấn chiếm từ tháng 3/2004. Đồng thời, tại các Biên bản kiểm đếm về đất đai, tài sản, vật kiến trúc và cây trồng gắn liền với đất ngày 19/8/2022 (BL 21 - 23), Biên bản về việc kiểm tra, đánh giá, xác định về thời điểm trồng cây, độ tuổi và chất lượng cây trồng ngày 11/10/2022 (BL 14 - 16), Biên bản về việc kiểm tra, đánh giá, xác định tỷ lệ phần trăm còn lại của công trình vật kiến trúc gắn liền trên đất ngày 11/10/2022 (BL 17 - 18) và Biên bản về việc kiểm tra, thống kê lại tài sản trên đất theo kiến nghị của hộ gia đình thể hiện: trên các thửa đất số 28, 35, 60 của hộ ông Q bị thu hồi có các loại cây trồng từ năm 2000; 360 trụ gạch làm trụ tiêu được xây dựng từ năm 2014, tỷ lệ % còn lại là 80%; chòi trông rẫy diện tích 11,25m^2 tạo lập năm 2014, tỷ lệ % còn lại là 60% và ao tạo lập từ năm 2017.

Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ quy định tại các điểm, khoản cụ thể như sau:

Khoản 2 Điều 20: "*Đối với người đang sử dụng đất nông nghiệp bị thu hồi đất mà không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định Luật Đất đai, không thuộc trường hợp sử dụng đất vượt hạn mức theo Điều 129, Điều 130 Luật Đất đai năm 2013 và không được hỗ trợ theo điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013 mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất, cụ thể như sau:*

a) Thời điểm sử dụng đất trước ngày 15/10/1993: Được hỗ trợ bằng 100% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

b) Thời điểm sử dụng đất ***từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004****: Được hỗ trợ bằng 80% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;*

c) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 27/9/2011 (ngày ban hành Chỉ thị số 1685/CT – TTg của Thủ tướng Chính phủ): Được hỗ trợ bằng 50% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

d) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 27/9/2011 đến trước ngày 01/7/2014: Được hỗ trợ bằng 30% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

đ) Sử dụng đất từ ngày 01/7/2014 trở về sau: Không được xem xét hỗ trợ.

e) Thời điểm sử dụng đất để xác định hỗ trợ theo các điểm a, b, c, d, đ khoản này là thời điểm hộ gia đình, cá nhân đầu tiên bắt đầu sử dụng đối với phần diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường, sử dụng đất liên tục kể từ thời điểm đó vào mục đích sản xuất nông nghiệp cho đến khi ban hành Thông báo thu hồi đất.

Điểm b khoản 4 Điều 20: "*4. Hỗ trợ nhà, công trình xây dựng không đủ điều kiện bồi thường trừ các trường hợp tại điểm c khoản này thì được hỗ trợ như sau:*

b) Nhà, công trình không phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình cá nhân được hỗ trợ như sau:

- Xây dựng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường về đất hỗ trợ bằng 80% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; ***30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá trị còn lại****."*

Khoản 5 Điều 20: "*5. Cây trồng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường được trồng trước khi có Thông báo thu hồi đất được hỗ trợ như sau:*

a) Thời điểm sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 được hỗ trợ bằng 100% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.

b) Thời điểm sử dụng đất ***từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004*** *hỗ trợ bằng 80% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.*

c) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 hỗ trợ bằng 60% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.

d) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2014 đến trước khi có thông báo thu hồi đất thì cây trồng được hỗ trợ bằng 30% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.".

Mặt khác, ông Q trình bày gia đình ông không nhận được Thông báo thu hồi đất số 140/TB-UBND ngày 28/10/2013, phía UBND không chứng minh được việc tống đạt thông báo thu hồi đất và sau khi có Thông báo số 140, hộ ông Q tiếp tục sử dụng đất, trồng cây, tạo lập các tài sản trên đất nhưng không bị cản trở, xử phạt hành chính. Hộ ông Long Văn Q cho rằng gia đình ông sử dụng đất ổn định từ năm 1995 nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, hủy một phần các Quyết định số 278, 461 để buộc người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của UBND huyện E là Chủ tịch UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk phê duyệt lại phương án hỗ trợ về đất, tài sản trên đất đối các thửa đất số 28, 35, 60 và bổ sung phương án hỗ trợ đối với đất và tài sản trên đất được tạo lập sau khi có Thông báo thu hồi đất số 140 đến trước ngày kiểm đếm 19/8/2022 đối với hộ ông Long Văn Q là có căn cứ, phù hợp với các quy định được viện dẫn như trên. Vì vậy, kháng cáo của ông Q yêu cầu bồi thường hỗ trợ về đất và tài sản trên đất theo đúng thời điểm sử dụng đất và bảng giá hiện hành không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3]. Đối với yêu cầu hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Hộ ông Long Văn Q sử dụng đất lấn chiếm, đất của hộ ông Q không đủ điều kiện được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất mà chỉ được hỗ trợ về giá đất nên không đủ điều kiện được hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất và hỗ trợ đào tạo,

chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm theo điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013, Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; khoản 6 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017. Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông Q là đúng quy định nên nội dung kháng cáo này của ông Q không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Kháng cáo của ông Long Văn Q đã được Hội đồng xét xử xem xét nhưng không có căn cứ để chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và đánh giá chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà.

[4]. Án phí hành chính phúc thẩm: ông Long Văn Q là người dân tộc thiểu số ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;

Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện ông Long Văn Q. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 158/2025/HC-ST ngày 05/9/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: căn cứ khoản 1 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Ông Long Văn Q được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT IV - TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đức Kiên